

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 13-9-2024

V/v: ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH D

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vương Quốc Quý, Bà Nguyễn Thị Lý.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Hải Loan - Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh D.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T** tham gia phiên toà: Ông Phạm Sỹ Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh D xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 116/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số 33/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07/9/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị B, sinh năm 1988; Nơi thường trú: Khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh D; **Chỗ ở hiện nay:** Khu 6, P, thị trấn T, huyện T, tỉnh D; **Có mặt.**

- **Bị đơn:** Anh Bùi Văn H, sinh năm 1986; Nơi thường trú: Khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh D; **Vắng mặt.**

- **Người đại diện hợp pháp của bị đơn:** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1958; Nơi thường trú: Khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh D; **Có mặt.**

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:** Ông Phạm Văn Điều - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh D; **Có mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, quá trình khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:**

Chị và anh Bùi Văn H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện T ngày 26/10/2010. Sau khi kết hôn, anh chị ở cùng nhà với mẹ chồng là bà Nguyễn Thị N tại khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh D. Quá trình chung sống được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, gia đình thường xuyên xảy ra cãi vã, anh H đánh đập chị nhiều lần. Chị đã có một lần bỏ về nhà mẹ đẻ vào thời gian Covid-19 cách đây khoảng 3 năm. Lý do chị bỏ về vì vợ chồng cãi nhau, anh H đánh chị sưng tím mặt, được hơn 1 tuần chị quay về nhà chồng vì nghĩ đến các con. Nhưng sau đó cuộc sống vợ chồng vẫn không được cải thiện, anh H vẫn tiếp tục nhiều lần

đánh chị. Lần cuối cùng chị bỏ về nhà mẹ đẻ là tháng 11/2023, chính thức sống ly thân anh H từ đó đến nay. Thời gian ly thân, anh H có đến nhà tìm chị khoảng 02 - 03 lần nhưng chị quyết định không về. Vì chị xác định anh H không bao giờ thay đổi mà tiếp tục sẽ đánh chị nhiều lần nữa. Trong cuộc sống, chị cũng không đồng tình với việc anh H chỉ nghe lời mẹ đẻ, coi thường chị, những lời chị nói anh H không bao giờ nghe. Quá trình chung sống, anh H bị bệnh động kinh, hàng ngày đều uống thuốc vào buổi tối và hàng tháng lấy thuốc tại Trạm y tế thị trấn T. Tuy bị bệnh động kinh nhưng anh H vẫn sinh hoạt, giao tiếp bình thường, chỉ trừ những lúc lên cơn thì bị sùi bọt mép, nằm nghỉ khoảng 5-10 phút là hết cơn, chị không thấy anh H bị co giật bao giờ. Hiện nay anh H làm cùng công ty giày Vietstar ở xã Đoàn Tùng với chị, nhưng khác xưởng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 03 con chung là Bùi Ngọc Diệp, sinh ngày 05/01/2012, Bùi Ngọc Dịu, sinh ngày 05/12/2013 và Bùi Huy Hoàng, sinh ngày 07/02/2019. Hiện cả ba con đang ở cùng với anh H. Cháu Diệp năm nay lên lớp 7 Trường THCS thị trấn T, cháu Dịu năm nay lên lớp 6 Trường THCS thị trấn T, cháu Hoàng đang học lớp mẫu giáo 5 tuổi Trường Mầm non thị trấn T. Ly hôn, chị xin được nuôi cháu Dịu, để cho anh H tiếp tục nuôi cháu Diệp và cháu Hoàng, vợ chồng không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Trước đây, chị có nói chuyện với cháu Dịu hỏi ý kiến thì cháu nói muốn ở với chị nên chị xin được nuôi cháu Dịu. Hơn nữa, chị là người mẹ vẫn luôn nghĩ đến các con và quyền của người mẹ vẫn phải được nuôi con, chị vẫn thường xuyên đưa đón các con sang nhà ngoại và chăm sóc, gần gũi các con. Hiện nay, chị làm công nhân ở Công ty giày Vietstar ở xã Đoàn Tùng cách nhà 5-6 km, lương mỗi tháng khoảng 8-9 triệu đồng. Chị ở cùng nhà với bố mẹ đẻ tại căn nhà hai tầng đầy đủ tiện nghi, bố mẹ chị còn khoẻ có thể hỗ trợ chị trông nom chăm sóc con. Cháu Dịu cũng đã tự đạp xe đi học, trường học ở gần nhà. Về việc cháu Dịu xin ở với bố, theo chị thì các con còn bé, suy nghĩ chưa sâu sắc, có thể trước khi cháu lên Toà thì bà nội và bố cháu có dặn dò cháu là xin ở với bố thì cháu ghi như vậy, còn thực tế thì mẹ con chị vẫn rất gần gũi, tình cảm với nhau.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị đã có bản tự khai trình bày với Toà là chị đòi bà Nguyễn Thị N số tiền 100 triệu đồng. Chị trực tiếp đưa cho bà N để xây nhà, thời gian đưa tiền chị không nhớ, chị có quan điểm đòi số tiền trên. Chị không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, nợ chung, công sức với anh H. Chị đã được nghe Tòa án giải thích và hướng dẫn thủ tục khởi kiện đòi tiền theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, chị B xác định trong vụ án này chị không làm đơn kiện đòi tiền bà N, không đề nghị giải quyết chia tài sản chung, nợ chung vợ chồng với anh H.

*** Quá trình làm việc với Tòa án, bị đơn anh Bùi Văn H trình bày:**

Anh và chị Vũ Thị B kết hôn với nhau vào khoảng tháng 10/2010 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện T. Sau khi cưới, vợ chồng ở cùng nhà với bố mẹ anh ở khu A, thị trấn T,

huyện T, tỉnh D. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân khi đó gia đình anh nợ nần, chị B và mẹ anh xảy ra mâu thuẫn. Sau khi chị B sinh cháu Bùi Huy Hoàng được 01 tuổi thì chị B đi làm công ty. Từ khi đi làm công ty, do đồng nghiệp bên ngoài tác động vào nên chị B thay đổi tính nết, mỗi lần vợ chồng to tiếng có mâu thuẫn thì chị B lại thách thức nói sẽ làm đơn ly hôn. Quan điểm của anh xác định: Vợ chồng trong nhà có mâu thuẫn nhỏ nhất như vậy là bình thường mà chị B lại làm quá vấn đề. Từ năm 2020 đến nay, vợ chồng có lần xảy ra mâu thuẫn lớn, nguyên nhân đều là do chị B chửi mẹ anh, vì quá bức tức với hành động của chị B nên anh có đánh vợ 02 lần. Chị B cầm dao 02 lần đòi dọa đâm anh, nhưng có mẹ anh vào can ngăn. Nhận thấy có lỗi nên anh đã xin lỗi chị B. Tuy nhiên, đến lần thứ hai (vào tháng 11/2023) thì chị B đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở Khu 6, P, thị trấn T, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Anh và gia đình có đến tìm nhưng chị B không về. Nay chị B có đơn đề nghị giải quyết ly hôn, anh nhận thấy tình cảm giữa hai bên vẫn còn, mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, anh không muốn các con khổ. Do vậy, anh không đồng ý ly hôn chị B.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như chị B trình bày là đúng, cả ba con đều đang ở với anh. Nếu vợ chồng ly hôn, anh xin nuôi cả ba con cho đến khi các con đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con nào. Hiện tại, anh đang làm công nhân với mức thu nhập khoảng 10 triệu/ tháng. Anh không đồng ý cho chị B nuôi con vì chị B đi làm công ty đến 21 giờ mới về. Mặt khác, mẹ chị B phải nuôi cháu nội và không đi được xe để đón đưa các cháu.

Vợ chồng anh tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Người đại diện hợp pháp của anh H là bà Nguyễn Thị N trình bày:**

Bà là mẹ đẻ anh Bùi Văn H. Anh H, chị B được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T năm 2010. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng nhà với vợ chồng bà. Chung sống vui vẻ đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau. Anh H, chị B đều là người nóng tính, chị B nói năng không suy nghĩ, còn anh H trước đây sinh ra bị ngạt có ảnh hưởng về thần kinh. Hiện nay anh H được Nhà nước trợ cấp hàng tháng. Tháng 11/2023 hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đánh nhau, chị B tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở khu P, thị trấn T, huyện T, tỉnh D, từ đó không quay về nhà chồng. Nay chị B xin ly hôn, ý kiến của bà là các con có ở được với nhau hay không là do các con tự quyết định. Nếu chị B quay về, gia đình bà luôn mở cửa để chị ấy về cùng chăm sóc các cháu. Từ khi chị B bỏ về mẹ đẻ, cả ba con ở cùng với anh H và vợ chồng bà. Các cháu đều rất ngoan. Nay chị B xin ly hôn, nguyện vọng của gia đình bà là xin được tiếp tục nuôi cả ba cháu và không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con. Anh H hiện đang đi làm công ty Giấy Vietta ở xã Đoàn Tùng, có lương hàng tháng ổn định. Hiện nay anh H có sổ theo dõi và uống thuốc hàng ngày điều trị bệnh động kinh.

*** Quá trình xác minh tại địa phương thể hiện:** Anh Bùi Văn H hiện đang được hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội đối với người khuyết tật nặng, mức trợ cấp từ tháng 8/2024 là 825.000 đồng; dạng khuyết tật: Thần kinh tâm thần. Trạm y tế thị trấn T cung cấp: Trạm y tế thị trấn T theo dõi và cấp thuốc cho anh H theo bệnh án của Bệnh viện tâm thần kinh D. Hàng tháng anh H đến lấy thuốc do Trạm y tế thị trấn T cấp, uống thuốc đầy đủ theo đường dẫn. Kết luận anh H bị bệnh động kinh.

*** Tại phiên tòa,** chị B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bà N là người đại diện hợp pháp của anh H trình bày: Anh H đã nhận được giấy của Toà án triệu tập anh H đến tham gia phiên tòa, nhưng anh H nói không đến tham gia phiên tòa được, anh H còn phải đi làm công ty, anh H vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày với Toà án. Bà N nhất trí với ý kiến trình bày của anh H, đề nghị Toà án xem xét nguyện vọng của anh H và của gia đình bà về việc cho gia đình bà được nuôi cả ba cháu và không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Về việc ly hôn đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật; Về giải quyết nuôi con: đề nghị Toà án xem xét các con của chị B anh H đều đang ở cùng với anh H, nguyện vọng của gia đình anh H xin được nuôi cả ba con và không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung. Mặt khác, cả ba con đều ngoan ngoãn, học tập tốt, các cháu đang có cuộc sống ổn định. Vì vậy đề nghị HĐXX xem xét cho anh H được nuôi cả ba con chung để đảm bảo sự ổn định, tránh gây xáo trộn cuộc sống của các con.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:** Xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của HĐXX và thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn thực hiện chưa đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 02.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị B. Xử cho chị B được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Giao chị B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Ngọc Diệu, sinh ngày 05/12/2013; anh Bùi Văn H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Ngọc Diệp, sinh ngày 05/01/2012 và cháu Bùi Huy Hoàng, sinh ngày 07/02/2019 cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị B và anh H không yêu cầu các bên phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị B phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Vũ Thị B yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Bùi Văn H, đăng ký thường trú tại thị trấn T, huyện T, tỉnh D. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh D. Xác định quan hệ tranh chấp về Hôn nhân và gia đình là ly hôn, nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn anh Bùi Văn H đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do nên Toà án tiến hành xét xử vụ án theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh D vào ngày 26/10/2010 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đánh cãi chửi nhau. Khoảng năm 2020, chị B đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở nhưng được khoảng một tuần chị lại quay về nhà chồng. Tuy nhiên, sau đó mối quan hệ vợ chồng vẫn không được cải thiện, anh chị vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn căng thẳng, thể hiện qua việc vẫn tiếp tục đánh cãi chửi nhau. Chị B đã bỏ hẳn về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 11/2023, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không có biện pháp hàn gắn. Tại phiên hoà giải và tại phiên toà, chị B kiên quyết xin ly hôn, anh H hai lần vắng mặt tại phiên toà. Từ các phân tích trên cho thấy anh chị không còn sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, đến nay anh chị vẫn tiếp tục sống ly thân, không còn tình nghĩa vợ chồng. Với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị B được ly hôn anh H là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị B có quan điểm xin được nuôi cháu Bùi Ngọc Diệu, sinh ngày 05/12/2013 để anh H nuôi hai cháu Bùi Ngọc Diệp, sinh ngày 05/01/2012 và cháu Bùi Huy Hoàng, sinh ngày 07/02/2019. Anh H có quan điểm: Nếu Toà án xử ly hôn, anh đề nghị xin được nuôi cả ba con chung và anh tự nguyện không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con cho anh. Cả ba con chung đều có nguyện vọng xin được ở với bố.

Nhận thấy: Theo như xác minh tại UBND thị trấn T thì anh H đang được hưởng trợ cấp chế độ do bị thần kinh tâm thần. Theo xác minh và bệnh án của anh H kết luận: anh H bị bệnh động kinh. Trong cuộc sống hằng ngày, thỉnh thoảng anh H lên cơn co giật. Mặc dù anh H đang được hưởng trợ cấp đối với người khuyết tật nhưng anh vẫn giao tiếp, sinh hoạt bình thường, anh vẫn đi làm

công nhân với mức lương hàng tháng anh được hưởng là 10.000.000 đồng. Chị B cũng làm cùng công ty với anh, có mức lương 8-10 triệu đồng/tháng. Cả anh chị đều có công việc, thu nhập ổn định, đều đang ở cùng nhà với bố mẹ đẻ, nhà chị B và nhà anh H đều ở thị trấn T, nhà gần trường học của các con. Như vậy điều kiện nuôi con của chị B và anh H là như nhau. Đồng thời, theo quy định của pháp luật thì trong quan hệ hôn nhân, vợ chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt, quyền nuôi con sau ly hôn đối với cha mẹ là ngang nhau. Mặc dù cháu Bùi Ngọc Diệu có nguyện vọng xin ở với bố, tuy nhiên theo lời khai của các đương sự thì thấy chị B vẫn thường xuyên đưa đón các con về nhà ngoại chơi, vẫn quan tâm gần gũi với các con, các cháu vẫn đi lại hai nhà, cháu Diệu đã biết tự đạp xe đến trường không phải đưa đón. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi nuôi con của hai bên, cần giao cháu Diệu cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao các con Bùi Ngọc Diệp và Bùi Huy Hoàng cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp quy định tại các Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị B, anh H không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Vũ Thị B phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân gia đình; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Vũ Thị B được ly hôn anh Bùi Văn H.

2. *Về con chung:* Giao con chung Bùi Ngọc Diệu, sinh ngày 05/12/2013 cho chị Vũ Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi; Giao hai con chung Bùi Ngọc Diệp, sinh ngày 05/01/2012 và Bùi Huy Hoàng, sinh ngày 07/02/2019 cho anh Bùi Văn H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi. Chị B, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị B, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, vay nợ, công sức:* Không phải giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Vũ Thị B phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0001718 ngày 04/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh D. Chị B đã nộp đủ án phí.

5. *Về quyền kháng cáo:* Chị Vũ Thị B, bà Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THA dân sự huyện T;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh D (Số GCNKH: 94/2010);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Nhân

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

